

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2017

“V/v Ly hôn giữa bà S và ông L”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Ông Huỳnh Kim Thái Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thu S, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Nguyễn Thành L, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết, năm 2012 bà và ông Phan Nguyễn Thành L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã L, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 05/12/2012 (giấy đăng ký số 108/2012, quyển số 01/2012). Năm 2015, ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà đã khuyên nhiều lần nhưng ông L không sửa đổi. Bà

và ông L đã ly thân nhau từ tháng 02/2016 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông L không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông L.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông L có 01(một) con chung tên Phan Phú Q, sinh ngày 10/6/2014, hiện cháu Qđang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Quý, bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

Bị đơn ông Phan Nguyễn Thành L vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu của bà Sang; 01 Bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 Bản sao giấy khai sinh của Phan Phú Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà S và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Sang. Về con chung: Giao con chung cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Do bà S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Bà Hồ Thị Thu S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Nguyễn Thành L. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Bị đơn ông Phan Nguyễn Thành L đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[5] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của bà S xin ly hôn với ông L, thấy rằng: Bà S và ông L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/12/2012 (giấy đăng ký số 108/2012, quyển số 01/2012) nên quan hệ hôn nhân của bà S và ông L là hợp pháp. Theo bà S, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông L không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho ông L các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, ông L đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà S. Từ đó, cho thấy ông L cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân đã ở tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S và ông L đã sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Sang.

[6] Về nuôi con chung: Theo lời khai của bà S cùng các chứng cứ do bà S cung cấp thì bà S và ông L có 01(một) con chung tên Phan Phú Q, sinh ngày 10/6/2014, hiện cháu Q đang sống với bà Sang. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phan Phú Q. Xét thấy, hiện cháu Q đang sống với bà Sang, cuộc sống đã ổn định, khả năng bà S có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Q nên giao cháu Q cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về phân cấp dưỡng nuôi con: Bà S yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau khi bà Sang, ông L ly hôn không chỉ là nghĩa vụ của cá nhân bà S mà còn là nghĩa vụ của ông L. Bà S là người trực tiếp nuôi con nên buộc ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 24/1999/CV-KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao thì người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định; căn cứ Điều 3 của Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ, mức lương tối thiểu chung được áp dụng hiện nay là 1.300.000 đồng/tháng. Như vậy, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

[8] Về chia tài sản và nợ chung: Bà S trình bày không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung. Ông L vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[9] Về án phí: Bà Hồ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 3 của Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu S về việc “Ly hôn” với ông Phan Nguyễn Thành L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thu S và ông Phan Nguyễn Thành L.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Phan Phú Q, sinh ngày 10/6/2014 cho bà Hồ Thị Thu S được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ông Phan Nguyễn Thành L có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung với số tiền là 650.000 đồng/tháng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2017 đến khi cháu Q đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

3.1 Bà Hồ Thị Thu S chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005181 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà S đã nộp đủ án phí.

3.2 Buộc ông Phan Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Hồ Thị Thu S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Nguyễn Thành L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã L;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Thúy